

Số: /2025/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ đặc thù hỗ trợ kinh phí khám,
chữa bệnh cho cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy
quản lý trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật
số 51/2024/QH15;*

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám
bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo
hiểm y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ
Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y
tế;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định chế độ đặc thù hỗ trợ kinh phí khám, chữa
bệnh cho cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Cà
Mau; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Văn
hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chế độ đặc thù hỗ trợ kinh
phí khám, chữa bệnh cho cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa
bàn tỉnh Cà Mau.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ đặc thù hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh cho cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng đương chức và nguyên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Thứ trưởng, Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng đã nghỉ hưu hiện cư trú tại tỉnh Cà Mau; các cán bộ khác và tương đương do Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân cấp quản lý.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích; bảo đảm công khai, minh bạch và phù hợp khả năng cân đối ngân sách tỉnh hằng năm; không để trùng lặp với các chế độ, chính sách khác mà đối tượng đã được hưởng; không sử dụng kinh phí hỗ trợ vào mục đích khác hoặc chỉ cho các khoản không đủ điều kiện hỗ trợ.

2. Hỗ trợ được tính trên chi phí phát sinh thực tế sau khi đã được cơ quan bảo hiểm y tế và các nguồn khác chi trả; mức hỗ trợ xác định theo nhóm đối tượng và tình trạng bệnh; không hỗ trợ các chi phí không hợp pháp hoặc vượt quy định pháp luật.

3. Trường hợp cán bộ đã nghỉ hưu và chuyển nơi cư trú, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định việc áp dụng chế độ hỗ trợ.

Điều 4. Điều kiện hưởng hỗ trợ

1. Đối tượng thuộc diện hỗ trợ khi đi khám bệnh, chữa bệnh đối với các dịch vụ y tế thuộc danh mục do tỉnh ban hành hoặc danh mục do Trung ương quy định; khám và điều trị tại cơ sở y tế công lập hoặc tư nhân trong hoặc ngoài tỉnh theo đúng quy định chuyển tuyến. Trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh mạn tính nặng, chi phí điều trị cao, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét hỗ trợ vượt mức quy định.

2. Việc chi trả hỗ trợ được thực hiện không quá 02 lần/năm hoặc theo từng đợt điều trị có chỉ định của cơ sở y tế. Các đợt khám, chữa bệnh phải cách nhau tối thiểu 03 tháng, trừ trường hợp cấp cứu hoặc điều trị theo chỉ định chuyên môn. Thời gian chi trả hỗ trợ được thực hiện chậm nhất 30 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ được phê duyệt.

3. Không hỗ trợ trong các trường hợp: khám, chữa bệnh không theo tuyến; không có chỉ định chuyên môn; điều trị tại cơ sở y tế không được cấp phép; điều trị mang tính thẩm mỹ, chăm sóc sức khỏe không nhằm mục đích điều trị bệnh; người không thuộc diện quy định tại Điều 2 Nghị quyết này hoặc các khoản chi phí đã được thanh toán từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 5. Mức hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh

Các đối tượng được quy định tại Điều 2 Nghị quyết này bị bệnh hiểm nghèo như: Bệnh ung thư các loại; xơ gan cổ chướng; tim mạch có can thiệp ngoại khoa, có biến chứng; suy thận mạn giai đoạn phải lọc máu; suy tủy; liệt do mọi nguyên nhân, khi điều trị được xem xét hỗ trợ như sau:

1. Đối với cấp tỉnh

a) Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (đương chức và nguyên chức); Phó trưởng Ban, cơ quan Đảng ở Trung ương, Thứ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và tương đương đã nghỉ hưu, cư trú trên địa bàn tỉnh: Mức hỗ trợ tối đa không quá 60%/người/lần điều trị.

b) Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (đương chức và nguyên chức); Cục trưởng loại 1 thuộc Ban, cơ quan Đảng ở Trung ương, thuộc bộ, ngành, cơ quan ngang Bộ và tương đương đã nghỉ hưu, cư trú trên địa bàn tỉnh: Mức hỗ trợ tối đa không quá 50%/người/lần điều trị.

c) Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (đương chức và nguyên chức); Cục trưởng loại 2, Vụ trưởng, Viện trưởng, Phó Cục trưởng loại 1 thuộc Ban, cơ quan Đảng ở Trung ương, thuộc Bộ, ngành, cơ quan ngang Bộ và tương đương đã nghỉ hưu, cư trú trên địa bàn tỉnh: Mức hỗ trợ tối đa không quá 40%/người/lần điều trị.

d) Trưởng, Phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy; các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan chuyên môn Hội đồng nhân dân, Chánh văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Trưởng tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Phó Bí thư chuyên trách Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh không là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (đương chức và nguyên chức); Phó Cục trưởng loại 2, Phó Vụ trưởng, Phó Viện trưởng, cấp phó cơ quan, đơn vị thuộc Ban, cơ quan đảng ở Trung ương, thuộc Bộ, ngành, cơ quan ngang Bộ và tương đương đã nghỉ hưu, cư trú trên địa bàn tỉnh: Mức hỗ trợ tối đa không quá 30%/người/lần điều trị.

2. Đối với cấp xã

Bí thư Đảng ủy xã, phường (không là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh); Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường: Mức hỗ trợ tối đa không quá 30%.

3. Đối với cấp huyện (cũ)

Bí thư (không là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh), Phó Bí thư Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy và Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (nguyên chức): Mức hỗ trợ tối đa không quá 30%.

4. Các khoản chi phí khác được xem xét hỗ trợ

Ngoài chi phí khám, chữa bệnh chính quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, các khoản chi phí phát sinh sau đây được xem xét hỗ trợ:

a) Chi phí chuyển viện, cấp cứu ngoài tỉnh áp dụng trong trường hợp sử dụng xe chuyển viện của cơ sở khám chữa bệnh theo chỉ định (nếu có): Hỗ trợ tiền chuyển viện theo thực tế hoặc hỗ trợ mức khoán tối đa theo quy định của tỉnh, phù hợp với tuyến điều trị.

b) Chi phí kỹ thuật cao, thuốc đặc trị, thuốc ngoài danh mục bảo hiểm y tế theo chỉ định chuyên môn: hỗ trợ tối đa 15.000.000 đồng/lần điều trị.

c) Chi phí hội chẩn chuyên gia, khám theo yêu cầu, xét nghiệm cao cấp: hỗ trợ tối đa 5.000.000 đồng/lần theo chi phí thực tế.

d) Chi phí ăn uống điều trị nội trú dài ngày (từ ngày thứ 7 trở lên): hỗ trợ tối đa 100.000 đồng/ngày/người, tính từ ngày thứ 8, không quá 30 ngày/đợt điều trị.

5. Tổng số tiền hỗ trợ cho kinh phí khám, chữa bệnh đối với 01 người đã bao gồm tiền hỗ trợ cho các khoản chi phí khác không vượt quá 50.000.000 đồng/người/năm. Trường hợp bệnh hiểm nghèo hoặc chi phí điều trị cao, căn cứ kết luận y khoa và thẩm định của Hội đồng chuyên môn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét hỗ trợ vượt mức, nhưng không quá 100.000.000 đồng/người/năm.

Điều 6. Nguồn kinh phí

1. Ngân sách địa phương cấp tỉnh, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của tỉnh Cà Mau theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác gồm nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có); Quỹ chăm sóc sức khỏe cán bộ (nếu có thành lập theo quy định của pháp luật và được phép sử dụng); Các nguồn bổ sung hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày.....tháng.....năm 202...

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH